

Bản án số: 136/2026/KDTM-ST

Ngày: 16 - 7 - 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng mua

bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Hiền;
- Bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quế Linh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2025/TLST-KDTM ngày 21 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 643/2026/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 486/2026/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T C.

Địa chỉ trụ sở: 247 A, phường A, Thành phố H; địa chỉ liên hệ: Số X, đường B, phường A, Thành phố H;

Đại diện theo pháp luật: ông Phạm N T, chức danh: Giám đốc;

Đại diện ủy quyền: bà Bùi Huỳnh L P; sinh ngày: xx/x/19xx; địa chỉ: Số X, đường B, phường A, Thành phố H.

Bà P có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng K Q.

Địa chỉ trụ sở: Số xx KDC D 2, Thôn 3, xã H1, tỉnh L1;

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn V K1, chức danh: Giám đốc.

Ông K1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 19 tháng 9 năm 2025 của nguyên đơn và bản tự khai của đại diện nguyên đơn tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T C có đại diện theo ủy quyền bà Bùi Huỳnh L P trình bày: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T C (gọi tắt “Công ty T C”) và Công ty TNHH Một thành viên thương mại và xây dựng K Q (gọi tắt “Công ty K Q”) có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 670/HĐKT-TC, ngày 20 tháng 03 năm 2017 và phụ lục hợp đồng số 670/HĐKT-TC/PL01 ngày 01/01/2020 mua bán hàng hóa vải địa kỹ thuật và bắc thẳm. Theo thỏa thuận và yêu cầu của Công ty K Q, Công ty T C đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng đúng số lượng, thời gian và địa điểm giao hàng. Căn cứ biên bản đối chiếu công nợ ngày 29 tháng 3 năm 2022, sau khi cân trừ công nợ, Công ty K Q còn nợ Công ty T C tổng số tiền là 306.731.300 đồng (Bằng chữ: Ba trăm lẻ sáu triệu bảy trăm ba mươi một nghìn ba trăm đồng). Trong suốt thời gian qua, Công ty T C đã nhiều lần liên hệ với Công ty K Q bằng mọi cách nhưng vẫn không nhận được phản hồi. Việc Công ty T C không thể liên hệ với Công ty K Q không bắt nguồn từ lỗi chủ quan của Công ty T C, mà xuất phát từ nguyên nhân khách quan là Công ty K Q đã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh. Đến ngày 20/12/2024, khi Chi cục Thuế khu vực Hàm Thuận Nam – Hàm Thuận Bắc ban hành Thông báo số 2662/TB-CCTKV và Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế, Công ty T C mới có cơ sở để biết rằng Công ty K Q không tồn tại cũng như không hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh, từ đó quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T C bị xâm phạm.

Ngày 09/6/2025, Công ty T C đã gửi công văn đến Công ty K Q, thể hiện thiện chí tạo điều kiện để Công ty K Q thanh toán khoản công nợ quá hạn theo hình thức trả dần, chia thành các kỳ thanh toán hàng tháng. Công ty K Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T C. Vì vậy, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty T C tiến hành khởi kiện Công ty K Q tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Công ty T C đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc Công ty TNHH Một thành viên thương mại và xây dựng K Q thanh toán ngay cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T C số tiền nợ gốc là 306.731.300 đồng (Bằng chữ: Ba trăm linh sáu triệu bảy trăm ba mươi một nghìn ba trăm đồng). Yêu cầu Công ty K Q thanh toán toàn bộ số nợ gốc nêu trên một lần duy nhất ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc Công ty K Q phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán đối với khoản nợ nêu trên, tính từ ngày 29/03/2022 đến ngày 08/09/2025, theo quy định

tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 và Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, với mức lãi suất tạm tính là 10%/năm, tương đương 0,833%/tháng. Số tiền lãi chậm trả tạm tính là: $306.731.300 \text{ đồng} \times 0,833\%/tháng \times 41 \text{ tháng} = 104.757.941 \text{ đồng}$ (Bằng chữ: Một trăm linh bốn triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi một đồng). Yêu cầu Công ty K Q thanh toán toàn bộ số tiền lãi chậm trả nêu trên một lần duy nhất ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Buộc Công ty K Q thanh toán tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả tạm tính là 411.489.241 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười một triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi một đồng), thanh toán một lần duy nhất ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên thương mại và xây dựng K Q do ông K1 đại diện trình bày:

Công ty đang gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với số nợ nguyên đơn khởi kiện bị đơn, công ty sẽ cung cấp chứng từ thanh toán để xác nhận số nợ chính xác. Sau khi có số nợ chính xác, công ty sẽ thỏa thuận về thời hạn thanh toán với nguyên đơn hoặc chấp nhận thanh toán theo quy định pháp luật.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền hàng là 306.731.300 đồng, yêu cầu thanh toán lãi suất tính đến ngày khởi kiện là 104.757.941 đồng. Buộc Công ty K Q thanh toán tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả tạm tính là 411.489.241 đồng, thanh toán một lần duy nhất ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn cho rằng khi lập bản đối chiếu công nợ, chỉ xác nhận dựa trên khối lượng hàng hóa thực tế giao nhận chứ không dựa vào hóa đơn thanh toán. Do đó, bị đơn yêu cầu nguyên đơn kiểm tra đối chiếu lại số tiền thanh toán, nếu bị đơn còn thiếu tiền thì sẽ thanh toán tiếp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Tuy nhiên, Tòa án chưa đảm bảo thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ bản đối chiếu công nợ có cơ sở xác định bị đơn còn nợ tiền hàng của nguyên đơn là 306.731.300 đồng. Sau thời điểm đối chiếu công nợ, bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh đã thanh toán cho nguyên đơn. Do đó, căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền hàng và lãi suất chậm trả là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T C và bị đơn Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng K Q là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Tại Điều 6 của hợp đồng mua bán hàng hóa số 670/HĐKT-TC, ngày 20 tháng 03 năm 2017 hai bên có thỏa thuận Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh là Tòa án nơi có địa chỉ trụ sở của nguyên đơn có thẩm quyền giải quyết. Nguyên đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T C có địa chỉ trụ sở tại 247 A, phường A, Thành phố H. Mặt khác, đây là tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng, nguyên đơn có quyền lựa chọn nơi thực hiện hợp đồng để giải quyết. Do đó vụ kiện thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án; Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/NQ-UBTVQH15.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty TNHH Một thành viên thương mại và xây dựng K Q thanh toán số tiền hàng còn nợ 306.731.300 đồng.

Tại thời điểm các bên giao kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 670/HĐKT-TC ngày 20/3/2017 và Phụ lục hợp đồng số 670/HĐKT-TC/PL01 ngày 01/01/2020, pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên là Luật Thương mại năm 2005 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Xét về hình thức, hợp đồng và phụ lục hợp đồng được lập thành văn bản, phù hợp quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005.

Xét về nội dung, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T C và Công ty TNHH Một thành viên thương mại và xây dựng K Q đều là pháp nhân được thành lập hợp pháp, có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự trong hoạt động thương mại. Việc giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giao hàng theo đúng số lượng, chủng loại, thời gian và địa điểm theo thỏa thuận của các bên. Theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 670/HĐKT-TC ngày 20/3/2017 thì thời hạn thanh toán là “thanh toán 100% trong vòng 10 ngày sau khi nhận hàng”. Tại phiên tòa, hai bên đều xác định Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T C đã thực hiện việc giao hàng, xuất các hóa đơn tài chính cho Công ty TNHH Một thành viên thương mại và xây dựng K Q theo đúng thỏa thuận giữa hai bên nhưng Công ty TNHH Một thành viên thương mại và xây dựng K Q không thực hiện thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Đến ngày 29/3/2022, hai bên đã lập Biên bản đối chiếu công nợ, có chữ ký của đại diện và đóng dấu của cả hai doanh nghiệp. Theo nội dung biên bản, tổng số tiền Công ty K Q còn phải thanh toán trước khi cần trừ là 402.731.300 đồng; sau khi cần trừ khoản chiết khấu bán hàng 96.000.000 đồng, hai bên thống nhất xác nhận Công ty TNHH Một thành viên thương mại và xây dựng K Q còn nợ Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T C số tiền 306.731.300 đồng.

Biên bản đối chiếu công nợ nêu trên là tài liệu được chính các bên cùng xác lập trong quá trình thực hiện hợp đồng, thể hiện sự thống nhất về tình trạng công nợ tại thời điểm đối chiếu nên có giá trị chứng minh số tiền bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn.

Như vậy, kể từ thời điểm Công ty TNHH Một thành viên thương mại và xây dựng K Q xác nhận công nợ, thời gian kéo dài đến nay là đã hơn 03 năm nhưng phía Công ty TNHH Một thành viên thương mại và xây dựng K Q vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng. Theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại 2005 thì: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật”*. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty TNHH Một thành viên thương mại và xây dựng K Q thanh toán số tiền nợ gốc 306.731.300 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét ý kiến của bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày hiện doanh nghiệp gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh; đối với khoản tiền nguyên đơn khởi kiện, bị đơn sẽ cung cấp chứng từ thanh toán để xác định chính xác số công nợ, sau khi xác định sẽ thỏa thuận với nguyên đơn hoặc chấp nhận thanh toán theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến trên của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

Bởi lẽ, như đã phân tích, hai bên đã lập Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/3/2022 có chữ ký của đại diện và đóng dấu của cả hai doanh nghiệp, xác nhận sau khi cần trừ các khoản đối ứng thì Công ty TNHH Một thành viên

thương mại và xây dựng K Q còn nợ Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T C số tiền 306.731.300 đồng. Đây là chứng cứ trực tiếp xác định nghĩa vụ thanh toán của bị đơn.

Mặc dù bị đơn cho rằng sẽ cung cấp chứng từ để xác định lại công nợ nhưng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không giao nộp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đã thanh toán thêm khoản tiền nêu trên hoặc chứng minh số tiền công nợ được xác nhận tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/3/2022 là không đúng; đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu đối trừ nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Tại phiên tòa, bị đơn xác nhận việc đối chiếu công nợ này hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, dựa trên khối lượng hàng hóa giao nhận giữa hai bên. Sau khi Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/3/2022 được lập, bị đơn không có bất kỳ văn bản nào phản đối số liệu công nợ đã xác nhận, cũng không chứng minh việc đã thanh toán thêm hoặc yêu cầu điều chỉnh công nợ. Việc bị đơn tiếp tục im lặng trong một thời gian dài cho đến khi nguyên đơn khởi kiện là căn cứ để xác định bị đơn đã thừa nhận nghĩa vụ thanh toán đối với khoản công nợ nêu trên.

Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình thì phải thu thập, cung cấp và giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Trong vụ án này, bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh đối với ý kiến phản đối của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn về việc chưa xác định được chính xác số tiền còn nợ.

[3.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi do chậm thanh toán.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán đối với số tiền nợ gốc 306.731.300 đồng, tính từ ngày 29/3/2022 đến ngày khởi kiện 08/9/2025 theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ thời điểm hai bên xác nhận công nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/3/2022, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu. Việc chậm thanh toán của bị đơn đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”*

Tại Điều 4 của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 670/HĐKT-TC ngày 20/3/2017, hai bên đã thỏa thuận: *“Nếu Bên B chậm thanh toán 10 ngày sau thời*

hạn theo quy định tại điểm 2 nêu trên thì bên B phải bồi thường cho bên A theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do ngân hàng Maritime bank chi nhánh Sài Gòn mà bên A mở tài khoản công bố kê từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên B thanh toán đầy đủ cho bên A". Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu thanh toán lãi chậm trả từ ngày đối chiếu công nợ đến thời điểm xét xử là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Qua tham khảo mức lãi suất cho vay đối với Doanh nghiệp tại VBBank, BIDV, Techcombank thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường đều cao hơn mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 10%/năm, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn với mức lãi suất 10%/năm.

Số tiền lãi được tính là: Nợ gốc: 306.731.300 đồng, lãi suất: 10%/năm, thời gian chậm thanh toán: từ 29/3/2022 đến 08/9/2025 là 1.259 ngày.

Tiền lãi = 306.731.300 đồng $\times$ 10%/năm $\div$ 365 ngày $\times$ 1.259 ngày = 105.801.290 đồng. Nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả 104.757.941 đồng là có lợi hơn cho bị đơn nên chấp nhận.

Như vậy, tổng tiền nợ gốc và lãi chậm thanh toán bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 411.489.241 đồng

[4] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại:

Do được chấp nhận yêu cầu nên nguyên đơn không phải nộp án phí, hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Công ty TNHH Một thành viên thương mại và xây dựng K Q phải nộp án phí tính trên số tiền 411.489.241 đồng phải trả cho nguyên đơn, án phí được tính là: 20.459.570 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 34, Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án;

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/NQ-UBTVQH15;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T C đối với Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng K Q về việc thanh toán tiền hàng hóa, lãi chậm thanh toán theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 670/HĐKT-TC ngày 20/3/2017 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/3/2022.

2. Buộc Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng K Q phải thanh toán cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T C một lần số tiền 411.489.241 (bốn trăm mười một triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi một) đồng, trong đó tiền hàng còn thiếu 306.731.300 (ba trăm linh sáu triệu bảy trăm ba mươi một nghìn ba trăm) đồng; lãi chậm thanh toán là 104.757.941 (một trăm linh bốn triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi một) đồng.

3. Kể từ ngày Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T C có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng K Q chưa thi hành khoản tiền trên thì Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng K Q phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng K Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.459.570 (hai mươi triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi) đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T C số tiền tạm ứng án phí là 10.229.785 (mười triệu hai trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi lăm) đồng theo biên lai số 0038124 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPHCM;
- VKSND khu vực 9-TPHCM;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh